

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 938/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 12 - 2021
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Hồng Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Chí

Bà Nguyễn Thị Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Nga, thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Gia Hậu - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 12 năm 2021 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 430/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 186/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 180/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1988; Địa chỉ: Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Anh Trần Đăng T, sinh năm 1986; Địa chỉ: Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Chị T và anh T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 4 năm 2021 và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn trình bày:

Chị T với anh T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện P, tỉnh Thái Bình vào ngày 28/3/2014.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh những bất đồng về cách sống, cách suy nghĩ. Chị T cố gắng dung hòa để vợ chồng chung sống hòa hợp, hạnh phúc nhưng không thể được.

Năm 2018, vợ chồng thuê nhà sống riêng, anh T thường ăn nhậu, kiếm chuyện chửi mắng, đánh đập chị T dẫn đến việc vợ chồng sống ly thân từ tháng 12/2018 cho đến nay.

Vào tháng 10/2019, chị T và anh T ký đơn thuận tình ly hôn và nộp tại Tòa án nhân dân quận Gò Vấp. Do ông T không đến Tòa để giải quyết ly hôn nên chị T đã rút đơn ly hôn để tạo điều kiện vợ chồng hàn gắn tình cảm, cùng nhau lo cho các con.

Tuy nhiên, anh T không thay đổi tính tình, anh thường nhậu tin có những lời lẽ xúc phạm chị T, vợ chồng vẫn sống ly thân cho đến nay. Chị T nhận thấy vợ chồng chung sống không hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị đang trực tiếp nuôi 02 con chung tên Trần Thị Vân A, sinh ngày 20/3/2011 và Trần Đăng Đ, sinh ngày 18/4/2013. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi các con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản khi ly hôn: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn – anh Trần Đăng T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vắng mặt.

Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh T nhưng anh T không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình và cũng không có ý kiến đối với các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán thực hiện đúng qui định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng qui định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng qui định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào quy định của Luật hôn nhân và Gia đình, Kiểm sát viên nhận thấy yêu cầu của chị T phù hợp quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Chị T yêu cầu ly hôn với anh T. Anh T cư trú tại quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về ly hôn, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

- Hôn nhân giữa chị T và anh T là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 24/2014, quyển số 01/2014 ngày 28/3/2014 của Ủy ban nhân dân xã Q, huyện P, tỉnh Thái Bình.

- Xét, chị T và anh T đã nộp đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn vào tháng 10/2019, điều này thể hiện vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống là sự thật.

- Xét, chị T đã rút đơn ly hôn để tạo điều kiện cho vợ chồng hàn gắn đoàn tụ nhưng chị T và anh T vẫn không giải tỏa được mâu thuẫn, vẫn sống riêng và ly thân với nhau. Tòa án đã triệu tập anh T đến Tòa để động viên, hòa giải nhưng anh T không đến, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cố gắng giữ gìn hạnh phúc gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình chấp nhận cho chị T ly hôn với anh T

[4] Về con chung: Chị T yêu cầu trực tiếp nuôi 02 con chung tên Trần Thị Vân A, sinh ngày 20/3/2011 và Trần Đăng Đ, sinh ngày 18/4/2013 là phù hợp với nguyện vọng của các con và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản khi ly hôn: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Căn cứ Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Trần Đăng T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 24/2014, quyển số 01/2014 ngày 28/3/2014 của Ủy ban nhân dân xã Q, huyện P, tỉnh Thái Bình hết hiệu lực.

2. Về con chung: Chị T được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung tên Trần Thị Vân A, sinh ngày 20/3/2011 và Trần Đăng Đ, sinh ngày 18/4/2013.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản khi ly hôn: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2019/0028354 ngày 22/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Chị T đã nộp đủ án phí.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp;
- Ủy ban nhân dân xã Q, huyện P, tỉnh Thái Bình;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thị Hồng Đào

